

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 11/8/2022
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa

Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** bà Mai Thị Thanh Tâm, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 93/HNGĐ-ST, ngày 13 tháng 5 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 118/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (đề nghị xét xử vắng mặt)
Cư trú tại: thôn V, xã L, huyện Y, tỉnh S.

-Bị đơn: anh Nông Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Cư trú tại: thôn 9, xã B, huyện B, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2022 và quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T qua lời khai trình bày: chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn K tự nguyện chung sống từ năm 2011, đến năm 2013 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh P, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm, lối sống từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát mất tình cảm, anh K không có sự tôn trọng chị T nên chị T đã sống ly thân tháng 4/2020 liên tục đến nay không có sự

quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Minh F, sinh năm 2012; sau ly hôn chị T có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F đến khi cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; hiện nay cháu F đang chung sống cùng chị T.

Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nông Văn K qua lời khai trình bày: anh Nông Văn K thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, kết hôn. Anh K và chị T tự nguyện chung sống từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước năm 2013, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Về mâu thuẫn gia đình phát sinh từ việc đầu tư làm kinh tế gia đình, anh K có chuyển đổi cây trồng nhưng không có sự đồng ý của chị T từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, mất tình cảm, anh K đi nhậu về nhà vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát; chị T tự ý bỏ về quê sống ly thân từ tháng 4/2020 liên tục đến nay; anh K có về quê nhưng không gặp cô T, không khắc phục được mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh K hiện nay vẫn còn thương chị T mong muốn được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Minh F, sinh năm 2012; hiện đang chung sống cùng chị T; trường hợp vợ chồng ly hôn anh K đồng ý giao cháu F cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên.

Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, anh K không yêu cầu giải quyết nội dung gì, không phản tố gì.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh con chung ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn K tự nguyện chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước năm 2013 phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã được chị T giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn K là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị T và anh K đều thừa nhận giữa anh, chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế trong gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát lẫn nhau; chị T và anh K sống ly thân từ tháng 4/2020 liên tục đến nay, hiện nay chị T kiên quyết yêu cầu toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K; phía anh K có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình nhưng sau khi xảy ra mâu thuẫn anh K cũng không tìm cách để khắc phục mâu thuẫn mà sống ly thân kéo dài, bỏ mặc nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt; phía chị T xác định không còn tình cảm với anh K, không thể trở lại đoàn tụ, chung sống không có hạnh phúc. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Minh F, sinh năm 2012; hiện đang chung sống cùng chị T; qua lời khai của chị T và anh K đều thống nhất nếu vợ chồng ly hôn thì chị T sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F đến khi cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Lời khai của cháu Nông Minh F nếu bố mẹ ly hôn thì cháu F có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Do đó cần chấp nhận ý kiến của các đương sự giao cháu F cho chị T nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nông Văn K.

[2] Về con chung: Giao cháu Nông Minh F, sinh năm 2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu F thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu toà án giải quyết

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000427, ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH

